

BỒI HOÀN HỌC BỔNG VÀ CHI PHÍ ĐÀO TẠO ĐỐI VỚI NGƯỜI ĐƯỢC CỬ ĐI HỌC BẰNG NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

TS LÊ TRƯỜNG SON

Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh

Ho Chi Minh City University of Law

Email: ltson@hcmulaw.edu.vn

ThS VŨ THỊ NGỌC DUNG

Khoa Luật Hành chính – Nhà nước, Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh

Faculty of administrative and state law, Ho Chi Minh City University of Law

Email: vtndung@hcmulaw.edu.vn

Tóm tắt

Hiện nay, Việt Nam đã có những quy định về vấn đề bồi hoàn chi phí đào tạo đối với người được cử đi học bằng ngân sách nhà nước trong nhiều văn bản như luật, nghị định, thông tư và các văn bản hướng dẫn thi hành. Tuy nhiên, các quy định này còn phát sinh nhiều bất cập khi áp dụng trên thực tế. Chính vì vậy, trong phạm vi bài viết này, tác giả sẽ tập trung phân tích về thuật ngữ bồi hoàn chi phí đào tạo; đối tượng, các trường hợp phải bồi hoàn chi phí đào tạo; xác định chi phí đào tạo; miễn, giảm chi phí đào tạo; thời hạn trả, thu hồi chi phí đào tạo và đề xuất một số kiến nghị nhằm giải quyết những bất cập trên.

Từ khóa: bồi hoàn chi phí đào tạo, đào tạo, ngân sách nhà nước, nhân lực

Abstract

Currently, Vietnam has regulations on the issue of reimbursement of training expenses for state funded students to study abroad in many documents such as laws, decrees, circulars and guiding documents. However, these regulations still have many shortcomings when applied in practice. Therefore, within the scope of this article, the author will focus on analyzing the term training cost reimbursement; subjects, cases of training expenses reimbursement; determining training expenses; exemption and reduction of training expenses and propose some recommendations to resolve the above shortcomings.

Keywords: reimbursement of training expenses, training, state budget, human resources

DOI: <https://doi.org/10.70236/khplvn.382>

Ngày nhận bài: 14/7/2025

Ngày duyệt đăng: 03/09/2025

1. Về thuật ngữ bồi hoàn chi phí đào tạo

Hiện nay, có khoảng 60% chi phí đào tạo mà Nhà nước đã cấp cho người học phải bồi hoàn chưa thu hồi được.¹ Dù vậy, pháp luật chưa quy định cụ thể khái niệm bồi hoàn học bổng, chi phí đào tạo (sau đây gọi chung là chi phí đào tạo).² Khái niệm này chủ yếu được sử dụng trong các văn bản như Luật Giáo dục năm 2019, Luật Giáo dục đại học năm 2012, Nghị định số 143/2013/NĐ-CP ngày 24/10/2013 của Chính phủ quy định về bồi hoàn học bổng và chi phí đào tạo (Nghị định số 143/2013/NĐ-CP), Nghị định số 141/2020/NĐ-CP ngày 08/12/2020 quy định chế độ cử tuyển đối với học sinh, sinh viên và dân tộc thiểu số (Nghị định số 141/2020/NĐ-CP); Nghị định số 86/2021/NĐ-CP ngày 25/9/2021 của Chính phủ quy định việc công dân Việt Nam ra nước ngoài học tập, giảng dạy, nghiên cứu khoa học và trao đổi học thuật (Nghị định số 86/2021/NĐ-CP) và các văn bản hướng dẫn thi hành khác.

Trong đó, nội dung về bồi hoàn chi phí đào tạo được thể hiện cụ thể tại Nghị định số 143/2013/NĐ-CP. Theo đó, người học chương trình giáo dục cao đẳng, đại học, thạc sĩ, tiến sĩ được hưởng học bổng và chi phí đào tạo từ nguồn ngân sách nhà

1 Hà An, “Đi học bằng ngân sách nhà nước nhưng không về nước: Khoảng 60% chi phí không thu hồi được”, *Tạp chí điện tử Giáo dục Việt Nam*, <https://giaoduc.net.vn/du-hoc-bang-ngan-sach-nhung-khong-ve-nuoc-khoang-60-chi-phi-chua-thu-hoi-duoc-post233327.gd>, truy cập ngày 24/6/2025.

2 Khoản 1, Điều 1 Nghị định số 143/2013/NĐ-CP ngày 24/10/2013 của Chính phủ quy định về bồi hoàn học bổng và chi phí đào tạo.

nước hoặc do nước ngoài tài trợ theo hiệp định ký kết với nhà nước Việt Nam mà không chấp hành sự điều động làm việc của cơ quan nhà nước có thẩm quyền sau khi tốt nghiệp hoặc chưa chấp hành đủ thời gian làm việc theo cam kết mà tự ý bỏ việc thì phải “bồi hoàn” học bổng, chi phí đào tạo (Điều 1, Điều 3, Điều 4). Tuy nhiên, nghị định này không áp dụng đối với đối tượng là cán bộ, công chức, viên chức và người học theo chế độ cử tuyển.

Đối với người học theo chế độ cử tuyển thì trách nhiệm bồi hoàn học bổng và chi phí đào tạo của họ được quy định tại Nghị định số 141/2020/NĐ-CP thể hiện trong nghĩa vụ của người học theo chế độ cử tuyển³ và các quy định về bồi hoàn học bổng, chi phí đào tạo tại chương III của Nghị định này. Trong khi đó, đối với cán bộ, công chức, viên chức thì trách nhiệm này được xác định bằng thuật ngữ “đền bù” chi phí đào tạo.⁴

Như vậy, hiện tại các nghị định trên quy định về cùng một vấn đề nhưng lại đang sử dụng các thuật ngữ pháp lý chưa thống nhất. Theo ý kiến của nhóm tác giả, trong trường hợp này việc sử dụng thuật ngữ “bồi hoàn” chi phí đào tạo sẽ phù hợp hơn thuật ngữ “đền bù” chi phí đào tạo vì những nguyên nhân sau đây:

Thứ nhất, dưới góc độ nghĩa của từ thì “bồi hoàn” là trả lại thứ gì đã lấy đi hoặc đã làm thiệt cho người ta⁵ còn “đền bù” là đền lại sự thiệt thòi, sự vất vả⁶ hoặc trả lại đầy đủ, tương xứng với sự mất mát hoặc sự vất vả.⁷ Trong trường hợp này, người học được hưởng các quyền lợi về vật chất như được hỗ trợ học phí, học bổng và các khoản chi phí khác phục vụ cho khóa học đã được ngân sách nhà nước cấp. Ngoài ra, họ còn được hưởng các quyền lợi về tinh thần như được cấp văn bằng, được nâng cao năng lực và trình độ chuyên môn nghiệp vụ, vị thế xã hội, quy hoạch chức vụ lãnh đạo... Chính vì vậy, nếu người học không hoàn thành khóa học, không chấp hành sự điều động làm việc của cơ quan nhà nước có thẩm quyền sau khi tốt nghiệp, không thực hiện đúng cam kết về thời gian làm việc cho cơ quan, đơn vị cử đi học thì có nghĩa vụ bồi hoàn chi phí đào tạo. Theo quy định tại các nghị định trên thì chi phí người học phải trả lại không bao gồm tiền lãi⁸ hay phạt vi phạm như một số quốc gia khác.⁹ Vì vậy, việc sử dụng thuật ngữ “bồi hoàn” là phù hợp hơn.

Thứ hai, dưới góc độ pháp lý, Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức (Nghị định số 101/2017/NĐ-CP) được ban hành dựa trên căn cứ Luật Giáo dục năm 2005 (sửa đổi, bổ sung năm 2009). Theo đó, Luật Giáo dục không sử dụng thuật ngữ “đền bù” mà sử dụng thuật ngữ “bồi hoàn” và giao Chính phủ quy định chi tiết nội dung này, cụ thể: “Người học các chương trình giáo dục đại học nếu được hưởng học bổng, chi phí đào tạo do Nhà nước cấp hoặc do nước ngoài tài trợ theo hiệp định ký kết với Nhà nước

3 Điều 5 Nghị định số 141/2020/NĐ-CP ngày 08/12/2020 quy định chế độ cử tuyển đối với học sinh, sinh viên và dân tộc thiểu số.

4 Khoản 4 Điều 29 Luật Cán bộ công chức năm 2025; Điều 7 Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức (Nghị định số 101/2017/NĐ-CP); Điều 6 Nghị định số 171/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 quy định về đào tạo, bồi dưỡng công chức

5 Nguyễn Lân, *Từ điển Từ và ngữ Việt Nam*, Nxb. TP. Hồ Chí Minh, 2000, tr. 174.

6 *Như trên*, tr. 611.

7 Viện Ngôn ngữ học, *Từ điển Tiếng Việt*, Nxb. Đà Nẵng, Trung tâm Từ điển học, 2006, tr.310.

8 Hiện nay, Nghị định 143/2013/NĐ-CP chỉ quy định về tiền lãi do chậm trả chi phí bồi hoàn: “Trường hợp người học hoặc gia đình người học ở Việt Nam chậm thực hiện nghĩa vụ bồi hoàn theo thời hạn thì phải chịu lãi suất tối đa áp dụng đối với tiền gửi không kỳ hạn do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định đối với khoản tiền chậm bồi hoàn. Nếu Ngân hàng Nhà nước không quy định lãi suất tối đa áp dụng đối với tiền gửi không kỳ hạn thì người học hoặc gia đình người học ở Việt Nam phải chịu lãi suất áp dụng đối với tiền gửi không kỳ hạn của Ngân hàng Thương mại cổ phần Công thương Việt Nam tại thời điểm thực hiện nghĩa vụ bồi hoàn” (khoản 4, Điều 7)

9 Ministry of Education Singapore, <https://www.moe.gov.sg/financial-matters/service-obligation-scheme/liquidated-damages>: “The amount is calculated based on the total grant amount you have received, plus 10% interest per year, compounded at the end of each academic year, including GST”, truy cập ngày 13/6/2025.

thì sau khi tốt nghiệp phải chấp hành sự điều động làm việc có thời hạn của Nhà nước; trường hợp không chấp hành thì phải bồi hoàn học bổng, chi phí đào tạo” (Điều 87). Do vậy, việc Nghị định số 101/2017/NĐ-CP thay đổi thuật ngữ là không phù hợp với quy định của luật, theo đó căn cứ ban hành nghị định và nguyên tắc áp dụng pháp luật là phải ưu tiên áp dụng văn bản quy phạm pháp luật có giá trị hiệu lực pháp lý cao hơn.¹⁰

Tương tự, Nghị định số 171/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 quy định về đào tạo, bồi dưỡng công chức (Nghị định số 171/2025/NĐ-CP) cũng sử dụng thuật ngữ “đền bù” trong khi căn cứ ban hành là Luật Giáo dục năm 2019 lại sử dụng thuật ngữ “bồi hoàn”.¹¹ Ngoài ra, Luật Giáo dục đại học năm 2012 (sửa đổi, bổ sung năm 2018) cũng sử dụng thuật ngữ “bồi hoàn” khi quy định nghĩa vụ làm việc có thời hạn theo sự điều động của Nhà nước: “Người học chương trình giáo dục đại học nếu được hưởng học bổng và chi phí đào tạo do Nhà nước cấp hoặc do nước ngoài tài trợ theo điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên, thì sau khi tốt nghiệp phải chấp hành sự điều động làm việc của Nhà nước trong thời gian ít nhất là gấp đôi thời gian được hưởng học bổng và chi phí đào tạo, nếu không chấp hành thì phải bồi hoàn học bổng, chi phí đào tạo” (Điều 63). Bên cạnh đó, các văn bản như Nghị định số 143/2013/NĐ-CP, Nghị định số 141/2020/NĐ-CP, Nghị định số 86/2021/NĐ-CP đều sử dụng thuật ngữ “bồi hoàn”. Vì vậy, để đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ trong việc sử dụng thuật ngữ trong các văn bản quy phạm pháp luật, tác giả đề xuất sửa đổi Nghị định số 101/2017/NĐ-CP theo hướng đổi thuật ngữ “đền bù chi phí đào tạo” thành “bồi hoàn chi phí đào tạo” tại các điều 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 38 của Nghị định này; tương tự sửa đổi thuật ngữ trên tại điều 3, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 41 Nghị định số 171/2025/NĐ-CP để góp phần tạo ra cách hiểu và áp dụng thống nhất các văn bản quy phạm pháp luật khác như Luật Giáo dục năm 2019, Luật Giáo dục đại học năm 2012, Nghị định số 143/2013/NĐ-CP, Nghị định số 141/2020/NĐ-CP, Nghị định số 86/2021/NĐ-CP và các văn bản hướng dẫn thi hành khác.

2. Về đối tượng bồi hoàn chi phí đào tạo

Đối tượng bồi hoàn chi phí đào tạo hiện nay đang được quy định tại các văn bản khác nhau, cụ thể:

Đối với đối tượng là cán bộ, viên chức được cử đi đào tạo từ trình độ trung cấp trở lên bằng nguồn ngân sách nhà nước hoặc kinh phí của cơ quan quản lý, sử dụng cán bộ, viên chức thuộc các trường hợp quy định tại Điều 7 Nghị định số 101/2017/NĐ-CP thì phải đền bù chi phí đào tạo theo quy định. Đối với đối tượng là công chức được cử đi đào tạo sau đại học bằng nguồn ngân sách nhà nước hoặc nguồn kinh phí của cơ quan quản lý, đơn vị sử dụng công chức phải đền bù chi phí đào tạo theo Điều 6 Nghị định số 171/2025/NĐ-CP.

Đối với người học theo chế độ cử tuyển¹² thuộc các trường hợp quy định tại Điều 13 Nghị định số 141/2020/NĐ-CP thì phải đền bù chi phí đào tạo theo quy định.

Đối với đối tượng là người học chương trình giáo dục cao đẳng, đại học, thạc sĩ, tiến sĩ được hưởng học bổng và chi phí đào tạo từ nguồn ngân sách nhà nước hoặc do

10 Điều 156 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015; Điều 58 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025.

11 “Khoản 4 Điều 85 Luật Giáo dục năm 2019: “... Người được hỗ trợ tiền đóng học phí và chi phí sinh hoạt sau 02 năm kể từ khi tốt nghiệp nếu không công tác trong ngành giáo dục hoặc công tác không đủ thời gian quy định thì phải bồi hoàn khoản kinh phí mà Nhà nước đã hỗ trợ”.

12 Là việc tuyển sinh qua phương thức xét tuyển vào đại học, cao đẳng, trung cấp đối với người học là người dân tộc thiểu số rất ít người; người dân tộc thiểu số ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn chưa có hoặc có rất ít đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức là người dân tộc thiểu số (khoản 1, Điều 3; khoản 1 Điều 2 Nghị định số 141/2020/NĐ-CP).

nước ngoài tài trợ theo hiệp định ký kết với nhà nước Việt Nam mà không chấp hành sự điều động làm việc của cơ quan nhà nước có thẩm quyền sau khi tốt nghiệp hoặc chưa chấp hành đủ thời gian làm việc theo cam kết mà tự ý bỏ việc (Điều 1, Điều 3, Điều 4) thì phải đền bù chi phí đào tạo theo quy định tại Nghị định số 143/2013/NĐ-CP.

Tuy nhiên, những quy định như trên chưa bao quát hết được các trường hợp được cử đi học bằng ngân sách nhà nước như các trường hợp học tại các trường thuộc công an, quân đội hoặc được quân đội cử đi học tại các trường ngoài quân đội/các trường hợp đi học chương trình đào tạo trong nước bằng ngân sách nhà nước mà không thuộc đề án đặt hàng đào tạo do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt... Do đó, để thống nhất với quy định về đối tượng người học quy định tại khoản 1 Điều 63 Luật Giáo dục đại học năm 2012 (sửa đổi, bổ sung năm 2018) và thực tiễn áp dụng pháp luật từ ý kiến góp ý của Bộ Quốc phòng tại Công văn số 4263/BC-BQP ngày 04/11/2023 về đề nghị bổ sung đối tượng người học tham gia chương trình đào tạo trong nước từ nguồn ngân sách nhà nước, tác giả đề xuất sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 1 Nghị định số 143/2013/NĐ-CP như sau:

“1. Nghị định này quy định về bồi hoàn học bổng và chi phí đào tạo (sau đây gọi chung là chi phí đào tạo) đối với các đối tượng sau:

a) Người học chương trình giáo dục cao đẳng, đại học, thạc sĩ, tiến sĩ được hưởng học bổng và chi phí đào tạo từ nguồn ngân sách nhà nước hoặc do nước ngoài tài trợ theo hiệp định ký kết với nhà nước Việt Nam mà không chấp hành sự điều động làm việc của cơ quan nhà nước có thẩm quyền sau khi tốt nghiệp.

b) Người học được tham gia chương trình đào tạo ở trong nước bằng nguồn ngân sách nhà nước hoặc theo các đề án đặt hàng đào tạo do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt”.

Việc mở rộng đối tượng áp dụng có ý nghĩa quan trọng trong việc đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ với các quy định của Luật Giáo dục đại học và các Luật khác có liên quan. Đồng thời, quy định như trên góp phần bao quát hết được các đối tượng có trách nhiệm bồi hoàn chi phí đào tạo khi họ vi phạm nghĩa vụ đã cam kết, hạn chế tình trạng “chảy máu chất xám”, gây thất thoát cho ngân sách nhà nước.

3. Về các trường hợp phải bồi hoàn chi phí đào tạo

Điều 3 Nghị định số 143/2013/NĐ-CP quy định hai trường hợp bồi hoàn chi phí đào tạo gồm: (i) người học quy định tại điểm a và điểm b khoản 2 Điều 1 của Nghị định này không chấp hành sự điều động làm việc của cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong thời hạn 12 tháng, kể từ ngày người học được công nhận tốt nghiệp. Trường hợp sau khi tốt nghiệp, nếu được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép tiếp tục học tập, thì thời hạn 12 tháng tính từ ngày được công nhận tốt nghiệp khóa học tiếp theo; (ii) người học chưa chấp hành đủ thời gian làm việc theo quy định tại Điều 4 của Nghị định này mà tự ý bỏ việc.

Điều 13 Nghị định số 141/2020/NĐ-CP quy định bốn trường hợp người học theo chế độ cử tuyển phải bồi hoàn học bổng, chi phí đào tạo, cụ thể: (i) người tự thôi học hoặc bị kỷ luật buộc thôi học, trừ các trường hợp tự thôi học do bất khả kháng; (ii) người không chấp hành việc xét tuyển và bố trí việc làm sau khi tốt nghiệp theo cam kết; (iii) người có thời gian làm việc sau tốt nghiệp theo vị trí việc làm do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh điều động ít hơn hai lần thời gian được hưởng học bổng và chi phí đào tạo; (iv) người bị kỷ luật thôi việc trong thời gian đang chấp hành nghĩa vụ làm việc theo sự điều động.

Điều 7 Nghị định số 101/2017/NĐ-CP quy định về đền bù chi phí đào tạo đối với cán bộ, viên chức, được cử đi đào tạo từ trình độ trung cấp trở lên bằng nguồn ngân sách nhà nước hoặc kinh phí của cơ quan quản lý, sử dụng cán bộ, công chức, viên chức phải đền bù chi phí đào tạo khi thuộc một trong các trường hợp sau đây: (i) tự ý bỏ học, bỏ việc hoặc đơn phương chấm dứt hợp đồng làm việc trong thời gian đào tạo; (ii) không được cơ sở đào tạo cấp văn bằng tốt nghiệp; (iii) đã hoàn thành và được cấp văn bằng tốt nghiệp khóa học nhưng bỏ việc hoặc đơn phương chấm dứt hợp đồng làm việc khi chưa phục vụ đủ thời gian cam kết.

Điều 6 Nghị định số 171/2025/NĐ-CP quy định công chức được cử đi đào tạo sau đại học bằng nguồn ngân sách nhà nước hoặc nguồn kinh phí của cơ quan quản lý, đơn vị sử dụng công chức phải đền bù chi phí đào tạo trong các trường hợp sau đây: (i) tự ý bỏ học, bỏ việc trong thời gian đào tạo; (ii) thực hiện hình thức kỷ luật buộc thôi việc theo quy định; (iii) không được cơ sở đào tạo cấp văn bằng tốt nghiệp; (iv) đã hoàn thành khóa đào tạo và được cấp văn bằng tốt nghiệp nhưng bỏ việc, bị kỷ luật buộc thôi việc khi chưa phục vụ đủ thời gian cam kết thực hiện nhiệm vụ, công vụ tại cơ quan, đơn vị cử đi đào tạo sau đại học sau khi hoàn thành chương trình đào tạo trong thời gian ít nhất gấp ba lần thời gian đào tạo.

Như vậy, nếu so sánh các trường hợp phải bồi hoàn chi phí đào tạo thì Nghị định số 101/2017/NĐ-CP, Nghị định số 141/2020/NĐ-CP, Nghị định số 171/2025/NĐ-CP không chỉ xác định trách nhiệm bồi hoàn chi phí đào tạo đối với người học sau khi hoàn thành khóa học như Nghị định số 143/2013/NĐ-CP mà còn xác định trách nhiệm bồi hoàn chi phí đào tạo của người học trong thời gian đào tạo nếu họ tự ý bỏ học; bị kỷ luật buộc thôi học, buộc thôi việc; bỏ việc; đơn phương chấm dứt hợp đồng làm việc. Quy định này cũng tương thích với Nghị định số 86/2021/NĐ-CP khi cho rằng người học phải bồi hoàn chi phí đào tạo nếu không hoàn thành nghĩa vụ học tập như không được tự ý bỏ học; thực hiện đúng quy định về thời gian học, trình độ đào tạo, ngành học, nước đi học và cơ sở giáo dục theo quyết định cử đi học của cơ quan có thẩm quyền.¹³

Theo tác giả, quy định tại Nghị định số 171/2025/NĐ-CP là phù hợp hơn vì bản thân người học nhận được nhiều quyền lợi¹⁴ như quyền lợi vật chất (được hỗ trợ học phí, học bổng, chi phí khác phục vụ cho khóa học), quyền lợi tinh thần (được cấp văn bằng, nâng cao trình độ, vị thế xã hội, quy hoạch chức vụ lãnh đạo...) nên họ phải có trách nhiệm thực hiện cam kết hoàn thành khóa học. Điều này cũng đảm bảo mục đích đào tạo và tính hiệu quả trong việc sử dụng ngân sách nhà nước trong việc đào tạo nguồn nhân lực, tránh tình trạng thất thoát, lãng phí.¹⁵ Ngoài ra, Nghị định số 141/2020/NĐ-CP có điểm tiến bộ hơn so với các nghị định còn lại khi dự liệu trường hợp người học tự thôi học do bất khả kháng. Tuy nhiên, theo tác giả, quy định này vẫn chưa thực sự hợp lý bởi ngoài trường hợp người học tự thôi học do bất khả kháng còn trường hợp người học bị buộc phải chấm dứt việc học do bất khả kháng. Thực tế cho thấy có trường hợp người học do mắc bệnh hiểm nghèo không thể tiếp tục thực hiện khóa học do yêu cầu điều trị bệnh hoặc do xuất hiện những tình huống khẩn cấp (thiên tai, chiến tranh, dịch bệnh,...) trong thời gian học hoặc cơ sở đào tạo bị giải thể khiến người học không thể hoàn thành khóa học.

13 Khoản 2, Điều 6 Nghị định số 86/2021/NĐ-CP.

14 Nguyễn Thị Thu Hương, “Đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện quy định của pháp luật về đền bù chi phí đào tạo của viên chức trong trường đại học ở Việt Nam hiện nay”, *Tạp chí Công thương*, số 11, 2015.

15 Abdijabbar Ismail Nor, “The effect of training on public service delivery effectiveness in public sector organizations: The mediating role of civil servants’ performance”, *Cogent Social Sciences*, Vol. 11(1), 2025.

Bên cạnh đó, để đảm bảo tính công bằng giữa các nhóm đối tượng phải bồi hoàn chi phí đào tạo, chúng ta cũng cần có những quy định thống nhất để xác định các trường hợp phải bồi hoàn chi phí đào tạo. Theo đó, trách nhiệm bồi hoàn phải được đặt ra nếu người học vi phạm cả trong thời gian đào tạo và sau khi người học tốt nghiệp nhưng không chấp hành sự điều động hoặc chưa làm việc đủ thời gian theo cam kết. Ngoài ra, không nên quy định trường hợp “người bị kỷ luật thôi việc trong thời gian đang chấp hành nghĩa vụ làm việc theo sự điều động” phải bồi hoàn chi phí đào tạo bởi nội dung này liên quan tới trách nhiệm kỷ luật, không phải là sự kiện pháp lý trực tiếp làm phát sinh trách nhiệm bồi hoàn chi phí đào tạo của người học.

Vì xét dưới góc độ lý luận, bồi hoàn chi phí đào tạo thực chất là trách nhiệm hoàn trả tài sản (dân sự) do vi phạm cam kết đào tạo, hoàn toàn độc lập với trách nhiệm kỷ luật (là các hậu quả pháp lý bất lợi thể hiện bằng các hình thức kỷ luật mà cán bộ, công chức phải gánh chịu nếu có lỗi khi thực hiện hành vi vi phạm kỷ luật¹⁶). Việc mặc nhiên “cột” nghĩa vụ bồi hoàn vào quyết định kỷ luật buộc thôi việc tạo ra sự khiên cưỡng, vô tình biến khoản bồi hoàn thành một hình thức ‘chế tài bổ sung’ không phù hợp với quy định pháp luật. Sự trộn lẫn hai chế định khác nhau (kỷ luật và bồi hoàn) sẽ gây khó khăn cho việc áp dụng pháp luật và giải quyết các tranh chấp trên thực tế.

Vì vậy, kế thừa các quy định trên tác giả đề xuất những trường hợp phải bồi hoàn học bổng và chi phí đào tạo đối với người được cử đi học bằng ngân sách nhà nước như sau:

- (1) Tự ý bỏ học hoặc bị kỷ luật buộc thôi học, trừ các trường hợp thôi học do sự kiện bất khả kháng;
- (2) Tự ý bỏ việc hoặc đơn phương chấm dứt hợp đồng làm việc trong thời gian đào tạo;
- (3) Không được cơ sở đào tạo cấp văn bằng tốt nghiệp;
- (4) Không chấp hành việc xét tuyển, điều động hoặc bố trí việc làm sau khi tốt nghiệp theo cam kết;
- (5) Chưa chấp hành đủ thời gian làm việc theo cam kết mà tự ý bỏ việc hoặc đơn phương chấm dứt hợp đồng làm việc.

4. Về việc xác định chi phí bồi hoàn

Hiện nay, các quy định của pháp luật hiện hành chủ yếu xác định chi phí bồi hoàn bao gồm: học phí, học bổng và các khoản chi phí khác phục vụ cho khóa học đã được ngân sách nhà nước cấp chứ không tính lương và các khoản phụ cấp (nếu có), cụ thể: Nghị định số 143/2013/NĐ-CP quy định: “Chi phí bồi hoàn bao gồm: Học phí, học bổng và các khoản chi phí khác phục vụ cho khóa học đã được ngân sách nhà nước cấp” (khoản 1, Điều 5); Nghị định số 141/2020/NĐ-CP quy định: “Chi phí bồi hoàn bao gồm: học bổng và các khoản chi phí đào tạo đã được ngân sách nhà nước cấp cho người học theo chế độ cử tuyển” (khoản 1, Điều 14); Nghị định số 101/2017/NĐ-CP¹⁷ và Nghị định số 171/2025/NĐ-CP¹⁸ thống nhất quy định chi phí đền bù bao gồm học phí và tất cả các khoản chi khác phục vụ cho khóa học, không tính lương và các khoản phụ cấp (nếu có);

Trong khi đó, thực tế hiện nay cho thấy các cơ sở giáo dục đại học có nhiều hình thức đào tạo và thời gian đào tạo khác nhau, cụ thể có hai hình thức đào tạo chủ yếu là

16 Nguyễn Cảnh Hợp, *Giáo trình Luật Hành chính Việt Nam (tái bản lần thứ 1, có sửa đổi và bổ sung)*, Nxb. Hồng Đức, Tp.Hồ Chí Minh, 2023, tr. 201.

17 Khoản 1, Điều 8 Nghị định số 101/2017/NĐ-CP.

18 Khoản 1, Điều 7 Nghị định số 171/2025/NĐ-CP.

đào tạo tập trung và đào tạo không tập trung. Nếu đào tạo tập trung thì người học phải học liên tục cho đến khi tốt nghiệp, trong khoảng thời gian tham gia khóa học, người học hầu như không thể thực hiện công việc của cơ quan, đơn vị. Nếu đào tạo với hình thức không tập trung thì người học không phải học liên tục mà học chia theo từng đợt (mỗi đợt một số ngày và thường là học vào ngày cuối tuần hoặc học vào buổi tối các ngày trong tuần). Vì vậy, nếu học theo hình thức không tập trung này, người học vẫn có thời gian hoàn thành công việc ở cơ quan, đơn vị mình công tác.

Theo quy định của Luật Cán bộ, công chức năm 2025 thì: “Công chức được cử tham gia đào tạo, bồi dưỡng được hưởng chế độ, chính sách theo quy định của pháp luật” (khoản 3 Điều 29). Theo Luật Viên chức năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2019) thì “Viên chức được cử tham gia đào tạo, bồi dưỡng được hưởng tiền lương và phụ cấp theo quy định của pháp luật và quy chế của đơn vị sự nghiệp công lập; thời gian đào tạo, bồi dưỡng được tính là thời gian công tác liên tục, được xét nâng lương” (khoản 2, Điều 35). Theo Nghị định số 101/2017/NĐ-CP, Nghị định số 171/2025/NĐ-CP thì cán bộ, công chức, viên chức được cử đi đào tạo, bồi dưỡng trong nước được hưởng các chế độ, phụ cấp theo quy định của pháp luật còn cán bộ, công chức, viên chức được cử đi đào tạo, bồi dưỡng ở nước ngoài được hưởng quyền lợi theo quy định của pháp luật và quy chế của cơ quan, đơn vị. Như vậy, Nghị định số 101/2017/NĐ-CP, Nghị định số 171/2025/NĐ-CP phân định rõ quyền lợi của cán bộ, công chức, viên chức khi học trong nước và học nước ngoài, tuy nhiên chưa tách bạch trường hợp học trong nước theo hình thức học tập trung và không tập trung. Chính vì vậy, dựa trên nguyên tắc bồi hoàn tương xứng thì người học đã nhận được nhiều quyền lợi từ cơ quan, đơn vị, trong đó họ được hưởng cả lương và phụ cấp (nếu có) trong trường hợp người học được cử đi học theo hình thức tập trung. Chính vì vậy, theo ý kiến của nhóm tác giả, đối với trường hợp người học được cử đi học theo hình thức học tập trung, chi phí bồi hoàn cần phải bổ sung thêm khoản tiền lương và các khoản phụ cấp (nếu có). Trên cơ sở đó, nhóm tác giả đề nghị sửa khoản 1 Điều 5 Nghị định số 143/2013/NĐ-CP theo hướng như sau:

Chi phí bồi hoàn bao gồm: Học phí, học bổng và các khoản chi phí khác phục vụ cho khóa học, bao gồm cả lương và các khoản phụ cấp khác (nếu có). Tiền lương và các khoản phụ cấp khác (nếu có) được xem xét để bồi hoàn như sau: nếu trong quá trình đào tạo bồi dưỡng, người học vẫn thực hiện đầy đủ công việc tại vị trí công tác, chức danh mình đang đảm nhiệm thì không phải bồi hoàn; nếu trong quá trình đào tạo bồi dưỡng, người học không thực hiện công việc tại vị trí công tác, chức danh mình đang đảm nhiệm thì phải bồi hoàn tiền lương, phụ cấp mà cơ quan, đơn vị đã chi trả tương ứng với thời gian không làm việc theo cam kết.

Quy định như trên có nhiều ý nghĩa:

Thứ nhất, việc xác định chi phí đào tạo bao gồm cả lương như trên cũng tương thích với quy định tại khoản 3 Điều 62 Bộ luật Lao động năm 2019, cụ thể: “Chi phí đào tạo bao gồm các khoản chi có chứng từ hợp lệ về chi phí trả cho người dạy, tài liệu học tập, trường, lớp, máy, thiết bị, vật liệu thực hành, các chi phí khác hỗ trợ cho người học và tiền lương, tiền đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho người học trong thời gian đi học. Trường hợp người lao động được gửi đi đào tạo ở nước ngoài thì chi phí đào tạo còn bao gồm chi phí đi lại, chi phí sinh hoạt trong thời gian đào tạo”.

Thứ hai, đối với đơn vị cử đi học thì quy định này giúp đơn vị thiết lập cơ chế quản lý tài chính minh bạch và công bằng, tránh thất thoát ngân sách nhà nước đối với khoản lương trả cho thời gian không làm việc của người được cử đi học. Quan trọng hơn, đây

là cơ sở pháp lý vững chắc để Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện đòi bồi hoàn, khắc phục hoàn toàn rủi ro bị bác yêu cầu đòi bồi hoàn chi phí đào tạo như các bản án hiện nay¹⁹ (do tiền lương chưa được xác định là “chi phí đào tạo”).

Thứ ba, đối với người được cử đi học thì quy định trên sẽ đảm bảo sự công bằng giữa những người được cử đi học ở các hình thức đào tạo khác nhau đồng thời giúp họ chủ động tính toán, xác định chính xác nghĩa vụ tài chính của mình và có trách nhiệm cao hơn trước khi đặt bút ký cam kết để đi học.

Trên cơ sở đề xuất trên của nhóm tác giả, cần tiếp tục sửa đổi, bổ sung quy định này tại Nghị định số 86/2021/NĐ-CP, Nghị định số 101/2017/NĐ-CP, Nghị định 141/2020/NĐ-CP, Nghị định số 171/2025/NĐ-CP để đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ của các văn bản.

5. Về việc miễn, giảm chi phí bồi hoàn

Nghị định số 143/2013/NĐ-CP ngày 24/10/2013 của Chính phủ quy định về bồi hoàn học bổng và chi phí đào tạo và Thông tư liên tịch số 04/2015/TT-BGDĐT-BTC ngày 10/3/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo phối hợp với Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 143/2013/NĐ-CP ngày 24/10/2013 của Chính phủ quy định về bồi hoàn học bổng và chi phí đào tạo đều chưa có quy định về việc miễn, giảm chi phí bồi hoàn. Vì vậy, các văn bản kể trên chưa bảo đảm tính nhất quán, thống nhất với các văn bản pháp luật cùng quy định về vấn đề này như Nghị định số 86/2021/NĐ-CP,²⁰ Nghị định số 101/2017/NĐ-CP,²¹ Nghị định số 171/2025/NĐ-CP,²² đồng thời, phần nào gây khó khăn cho những trường hợp người học gặp khó khăn về kinh tế, sức khỏe... hoặc vì những nguyên nhân khách quan khác mà không thể thực hiện cam kết trước khi tham gia khóa học.

Để bảo đảm tính nhất quán, đồng bộ với các văn bản pháp luật về bồi hoàn khác, trên nguyên tắc đảm bảo sự công bằng cho các đối tượng người học, hỗ trợ các trường hợp người học gặp khó khăn về sức khỏe/ kinh tế thì nên bổ sung quy định về miễn, giảm chi phí bồi hoàn vào Nghị định số 143/2013/NĐ-CP. Việc bổ sung quy định này không chỉ thể hiện được tính nhân văn của pháp luật mà còn đảm bảo hiệu quả thu hồi chi phí bồi hoàn trên thực tế. Quy định về miễn, giảm chi phí bồi hoàn là cần thiết nhưng vẫn phải bảo đảm người học phải có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ với nhà nước và phòng ngừa các trường hợp lạm dụng chính sách để “lách luật”, trốn tránh thực hiện nghĩa vụ. Chính vì vậy, theo ý kiến tác giả việc miễn, giảm chi phí bồi hoàn nên được áp dụng với các đối tượng sau:

(i) Đối với trường hợp người học mắc bệnh hiểm nghèo không đủ khả năng lao động hoặc từ trần: đề nghị miễn chi phí bồi hoàn do người học không có khả năng/ điều kiện để thực hiện việc bồi hoàn.

(ii) Đối với trường hợp người học được cử đi học nhưng sau đó được cơ quan có thẩm quyền quyết định điều động, chuyển công tác sang cơ quan khác nhưng vẫn

19 Bản án số 03/2019/LĐ-PT ngày 27-28/03/2019 “V/v tranh chấp về yêu cầu bồi thường chi phí đào tạo” của Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội. Bệnh viện T khởi kiện yêu cầu ông Dương Xuân T (bác sĩ) phải bồi thường chi phí đào tạo theo Hợp đồng đào tạo đã ký kết, trong đó bao gồm cả tiền lương, tiền thưởng, tiền bổ sung thu nhập và các khoản bảo hiểm (BHXH, BHYT, BHTN) mà Bệnh viện đã chi trả cho ông T trong thời gian ông đi học. Tuy nhiên, Tòa án cấp phúc thẩm chỉ buộc ông T phải bồi thường chi phí đào tạo gồm học phí và các khoản chi phí khác phục vụ khóa học là 33.725.000 đồng. Tòa án bác yêu cầu đòi bồi thường khoản tiền lương, tiền thưởng, tiền bổ sung thu nhập và các loại bảo hiểm trong thời gian đi học là 180.291.480 đồng của Bệnh viện T đối với ông T.

20 Điều 13 Nghị định số 86/2021/NĐ-CP quy định việc xem xét miễn, giảm chi phí bồi hoàn do cơ quan quản lý trực tiếp hoặc cơ quan cử đi học quyết định căn cứ trên hồ sơ của du học sinh và chịu trách nhiệm giải trình với cơ quan có thẩm quyền khi được yêu cầu.

21 Điều 9 Nghị định số 101/2017/NĐ-CP quy định về điều kiện được giảm chi phí đền bù.

22 Điều 8 Nghị định số 171/2025/NĐ-CP quy định về điều kiện không phải đền bù và được giảm chi phí đền bù.

thuộc hệ thống cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội ở trung ương, ở cấp tỉnh, ở cấp xã thì không phải đền bù chi phí đào tạo.

(iii) Đối với trường hợp người học thuộc hộ nghèo: Thực tế trong trường hợp này người học có đủ điều kiện để thực hiện sự điều động làm việc của Nhà nước nhưng lại không thực hiện nên về nguyên tắc người học phải thực hiện trách nhiệm bồi hoàn. Tuy nhiên, để thống nhất với chính sách chung của Nhà nước về hỗ trợ đối với hộ nghèo, tác giả đề xuất giảm 20% chi phí bồi hoàn để hỗ trợ cho người học.

(iv) Mỗi năm công tác (không tính thời gian tập sự và thời gian công tác sau khi được đào tạo) được tính giảm 1% chi phí đền bù. Trường hợp là nữ hoặc là người dân tộc thiểu số thì mỗi năm công tác được tính giảm tối đa 1,5% chi phí đền bù. Đề xuất này dựa trên cơ sở quy định của Điều 9 Nghị định số 101/2017/NĐ-CP, Điều 8 Nghị định số 171/2025/NĐ-CP về điều kiện được giảm chi phí đền bù đối với cán bộ, công chức, viên chức. Theo ý kiến tác giả, việc bổ sung trường hợp này là phù hợp để tạo sự thống nhất, đồng bộ với Nghị định số 101/2017/NĐ-CP, Nghị định số 171/2025/NĐ-CP đảm bảo sự công bằng với các đối tượng người học không phải là cán bộ, công chức, viên chức.

Vì vậy, tác giả đề nghị bổ sung khoản 5 vào Điều 7 Dự thảo sửa đổi, bổ sung Nghị định số 143/2013/NĐ-CP như sau:

“5. Miễn, giảm chi phí bồi hoàn:

a) Người học được cơ quan y tế có thẩm quyền xác nhận mắc bệnh hiểm nghèo không đủ khả năng lao động hoặc từ trần được miễn chi phí bồi hoàn;

b) Đối với trường hợp người học được cử đi học nhưng sau đó được cơ quan có thẩm quyền quyết định điều động, chuyển công tác sang cơ quan khác nhưng vẫn thuộc hệ thống cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội ở trung ương, ở cấp tỉnh, ở cấp xã thì không phải đền bù chi phí đào tạo;

c) Người học thuộc hộ nghèo theo quy định được giảm tối đa 20% chi phí bồi hoàn quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị định số 143; Trường hợp người học do đơn vị công tác cử đi học thì mỗi năm công tác (không tính thời gian tập sự và thời gian công tác sau khi được đào tạo) được tính giảm 1% chi phí đền bù. Trường hợp là nữ hoặc là người dân tộc thiểu số thì mỗi năm công tác được tính giảm tối đa 1,5% chi phí đền bù.

c) Cơ quan có thẩm quyền quyết định việc bồi hoàn chi phí đào tạo quyết định việc miễn, giảm chi phí bồi hoàn cho người học”.

Bên cạnh đó, tác giả kiến nghị rà soát, bổ sung quy định này tại Nghị định số 86/2021/NĐ-CP, Nghị định số 101/2017/NĐ-CP, Nghị định số 171/2025/NĐ-CP để đảm bảo tính thống nhất trong quy định về miễn giảm chi phí bồi hoàn trong hệ thống pháp luật.

6. Về thời hạn trả và thu hồi chi phí đào tạo

Hiện nay, thời hạn trả và thu hồi chi phí đào tạo chưa được quy định thống nhất trong các văn bản, cụ thể thời gian này là 120 ngày theo quy định tại Nghị định số 86/2021/NĐ-CP,²³ Nghị định số 101/2017/NĐ-CP,²⁴ Nghị định số 171/2025/NĐ-

23 Điểm b khoản 2 Điều 13 Nghị định số 86/2021/NĐ-CP quy định: “Trong thời hạn 120 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định thu hồi chi phí bồi hoàn của cơ quan quản lý trực tiếp hoặc cơ quan cử đi học, du học sinh có trách nhiệm nộp trả đầy đủ chi phí bồi hoàn”.

24 Khoản 1 Điều 14 Nghị định số 101/2017/NĐ-CP quy định: “Chậm nhất trong thời hạn 120 ngày, kể từ ngày nhận

CP²⁵ hoặc 60 ngày theo quy định tại Nghị định số 141/2020/NĐ-CP,²⁶ Nghị định số 143/2013/NĐ-CP²⁷. Điều này chưa đảm bảo tính công bằng giữa các đối tượng phải bồi hoàn chi phí đào tạo, cũng như không đảm bảo tính thống nhất giữa các văn bản quy phạm pháp luật khi quy định về cùng một vấn đề. Nhận thức được bất cập này, hiện nay Dự thảo sửa đổi, bổ sung Nghị định số 143/2013/NĐ-CP đề xuất sửa đổi, bổ sung theo hướng tăng thời hạn người học/gia đình người học phải hoàn trả chi phí bồi hoàn từ 60 ngày lên 120 ngày. Theo ý kiến tác giả, việc tăng thời hạn bồi hoàn như trên là phù hợp vì thời gian 60 ngày quá ngắn, khó thu hồi chi phí đào tạo trên thực tế. Tuy nhiên, nếu chỉ quy định là tăng thời hạn lên 120 ngày đã đủ phù hợp chưa bởi Nghị định số 86/2021/NĐ-CP²⁸, Nghị định số 101/2017/NĐ-CP đều có quy định này nhưng thực tế việc thu hồi chi phí đào tạo vẫn đạt hiệu quả chưa cao.²⁹

Do vậy, theo ý kiến tác giả để nâng cao hiệu quả việc thu hồi chi phí đào tạo thì cần sửa đổi khoản 1, Điều 7 Nghị định số 143/2013/NĐ-CP theo hướng tăng thời hạn thu hồi chi phí bồi hoàn và cho phép người học được hoàn trả chi phí đào tạo nhiều lần nếu có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền về việc họ đang gặp khó khăn đặc biệt về kinh tế, cụ thể:

“Trong thời hạn 120 (một trăm hai mươi) ngày, kể từ ngày nhận được quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, người học hoặc gia đình người học ở Việt Nam có trách nhiệm nộp trả đầy đủ khoản tiền phải bồi hoàn. Trường hợp người học đang gặp khó khăn đặc biệt về kinh tế và có đơn đề nghị hoàn trả chi phí đào tạo nhiều lần (có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó cư trú hoặc cơ quan, tổ chức nơi người đó học tập, làm việc xác nhận hoàn cảnh khó khăn đặc biệt về kinh tế) thì thời hạn hoàn trả chi phí đào tạo có thể kéo dài hơn không quá 180 (một trăm tám mươi) ngày, kể từ ngày nhận được quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Số lần hoàn trả chi phí đào tạo không quá 03 (ba) lần. Lần thứ nhất tối thiểu là 40% tổng số chi phí đào tạo phải hoàn trả”.

Trên cơ sở đề xuất trên của nhóm tác giả, cần tiếp tục sửa đổi, bổ sung quy định này tại Nghị định số 86/2021/NĐ-CP, Nghị định số 101/2017/NĐ-CP, Nghị định số 141/2020/NĐ-CP, Nghị định số 171/2025/NĐ-CP để đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ của các văn bản.

Kết luận

Nghị quyết số 45-NQ/TW ngày 24/11/2023 Hội nghị lần thứ 8 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục xây dựng và phát huy vai trò của đội ngũ trí thức đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước nhanh và bền vững trong giai đoạn mới xác định tầm nhìn đến năm 2045 đó là: “Đội ngũ trí thức Việt Nam lớn mạnh, có chất

được quyết định đền bù chi phí đào tạo của cơ quan có thẩm quyền, đối tượng phải đền bù chi phí đào tạo có trách nhiệm nộp trả đầy đủ chi phí đền bù”.

25 Khoản 1 Điều 13 Nghị định số 171/2025/NĐ-CP quy định: “Chậm nhất trong thời hạn 120 ngày kể từ ngày nhận được quyết định đền bù chi phí đào tạo của cơ quan có thẩm quyền, công chức phải đền bù chi phí đào tạo có trách nhiệm nộp trả đầy đủ chi phí đền bù”.

26 Khoản 1 Điều 16 Nghị định số 141/2020/NĐ-CP quy định: “Chậm nhất trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, người học cử tuyển có trách nhiệm nộp trả đầy đủ khoản tiền phải bồi hoàn”.

27 Khoản 1, Điều 7 Nghị định số 143/2013/NĐ-CP quy định: “Chậm nhất trong thời hạn 60 (sáu mươi) ngày, kể từ ngày nhận được quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, người học hoặc gia đình người học ở Việt Nam có trách nhiệm nộp trả đầy đủ khoản tiền phải bồi hoàn”.

28 Điểm b khoản 2 Điều 13 Nghị định số 86/2021/NĐ-CP quy định: “Trong thời hạn 120 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định thu hồi chi phí bồi hoàn của cơ quan quản lý trực tiếp hoặc cơ quan cử đi học, du học sinh có trách nhiệm nộp trả đầy đủ chi phí bồi hoàn”.

29 Đỗ Vi, “Học bổng ngân sách và vấn đề thu hồi chi phí đào tạo”, *Cổng thông tin điện tử học bổng Nga*, <https://hocbongnga.edu.vn/thong-tin-thong-ke/hoc-bong-ngan-sach-va-van-de-thu-hoi-chi-phi-dao-tao-78.html>, truy cập ngày 28/6/2025.

lượng cao, cơ cấu hợp lý, thuộc топ đầu khu vực và tiệm cận với các nước phát triển; nhiều nhà khoa học có ảnh hưởng trên thế giới, đạt các giải thưởng quốc tế trên các lĩnh vực; nhiều tổ chức khoa học và công nghệ, cơ sở giáo dục và đào tạo đạt chuẩn quốc tế đáp ứng yêu cầu của quốc gia phát triển”. Để đảm bảo thực hiện thành công nghị quyết trên, việc đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ trí thức phải được đặt lên hàng đầu nhưng đào tạo phải gắn liền với việc sử dụng hiệu quả “kết quả đào tạo” đó. Chính vì vậy, ngoài việc sửa đổi, bổ sung quy định của pháp luật hiện hành về bồi hoàn chi phí đào tạo như trên thì theo nhóm tác giả cần có giải pháp thu hút người học đặc biệt là du học sinh về nước làm việc theo cam kết. Cần triển khai các cơ chế, chính sách đồng bộ từ Trung ương đến địa phương về trọng dụng, đãi ngộ³⁰ đối với đội ngũ trí thức trẻ nói chung và đội ngũ du học sinh nói riêng. Bên cạnh đó, cần cải thiện môi trường làm việc trong nước; bố trí nguồn kinh phí thỏa đáng để thực hiện các chính sách thu hút và đãi ngộ nhân tài như trả lương, phụ cấp, hỗ trợ nhà ở, khen thưởng, vinh danh, cử đi đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ... để họ yên tâm làm việc, cống hiến cho cơ quan, đơn vị. Thực hiện tốt những nội dung này thì người học sau khi hoàn thành khóa học sẽ tự nguyện thực hiện cam kết làm việc nên Nhà nước sẽ không phải giải quyết tiếp câu chuyện xử lý vấn đề bồi hoàn chi phí đào tạo như hiện nay. ●

Tài liệu tham khảo

- [1] Abdijabbar Ismail Nor, “The effect of training on public service delivery effectiveness in public sector organizations: the mediating role of civil servants’ performance”, *Cogent Social Sciences*, Vol. 11(1), 2025
- [2] Đỗ Vi, “Học bổng ngân sách và vấn đề thu hồi chi phí đào tạo”, *Cổng thông tin điện tử học bổng Nga*, [trans: Do Vi, “Budget Scholarships and the Issue of Recovering Training Costs”, *Russian Scholarship Portal*, accessed on June 28, 2025]
- [3] Nguyễn Cảnh Hợp, *Giáo trình Luật Hành chính Việt Nam* (tái bản lần thứ 1, có sửa đổi và bổ sung), Nxb. Hồng Đức, Tp.Hồ Chí Minh, 2023
- [4] Nguyễn Thị Thu Hương, “Đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện quy định của pháp luật về đền bù chi phí đào tạo của viên chức trong trường đại học ở Việt Nam hiện nay”, *Tạp chí Công thương*, số 11, 2015 [trans: “Proposing Several Solutions to Improve the Legal Provisions on Training Cost Reimbursement for University Public Employees in Vietnam Today,” *Industry and Trade Journal*, Vol. 11, 2015]
- [5] Nguyễn Lân, *Từ điển Từ và ngữ Việt Nam*, Nxb. TP. Hồ Chí Minh, 2000 [trans: Nguyen Lan, *Dictionary of Vietnamese Words and Phrases*, Ho Chi Minh City Publishing House, 2000]
- [6] Ministry of Education Singapore, “The amount is calculated based on the total grant amount you have received, plus 10% interest per year, compounded at the end of each academic year, including GST”
- [7] Hà An, “Du học bằng ngân sách nhà nước nhưng không về nước: Khoảng 60% chi phí không thu hồi được”, *Tạp chí điện tử Giáo dục Việt Nam* [trans: Hà An, “Studying abroad with state budget but not returning home: About 60% of costs are not recovered”, *Vietnam Education Electronic Magazine*]
- [8] Viện Ngôn ngữ học, *Từ điển Tiếng Việt*, Nxb. Đà Nẵng, Trung tâm Từ điển học, 2006 [trans: Institute of Linguistics, *Vietnamese Dictionary*, Da Nang Publishing House, Lexicography Center, 2006]
- [9] Mansoor Ahmed Soomro, Nazar Hussain, Abdullah Maitlo, Irfan Ahmed Lashari, “Motivation and Compensation as predictors of employees’ retention: An empirical study of a public sector organization”, *Journal of Contemporary Issues in Business and Government*, Vol. 27(3), 2021

30 Mansoor Ahmed Soomro, Nazar Hussain, Abdullah Maitlo, Irfan Ahmed Lashari, “Motivation and Compensation as predictors of employees’ retention: An empirical study of a public sector organization”, *Journal of Contemporary Issues in Business and Government*, Vol. 27(3), 2021